

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Đinh Tiền Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Rạt

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Dương Thị Trúc H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Ấp H2, xã N, huyện N, tỉnh Long An.

Hiện đang tạm trú: Ấp H2, xã T, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H để giải quyết về phần tranh chấp nuôi con trong vụ án là ông **Lê Đình Anh**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện M, tỉnh Bình Phước. (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2020) (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Khắc Tr**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp H2, xã N, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Dương Thị Trúc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Khắc Tr sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 vào ngày

30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Long An. Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Tr luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể Hn gắn được. Bà H và ông Tr cũng đã ly thân từ tháng 8 năm 2019. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều thống nhất có ý kiến như sau: Quá trình chung sống, bà H và ông Tr có 01 con chung tên là Nguyễn Dương THnh Đ, sinh ngày 17/5/2016. Hiện tại, con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H đề nghị được quyền nuôi con chung và bà H yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, với lý do bà H có đủ điều kiện nuôi con tốt hơn ông Tr, có việc làm, thu nhập mỗi tháng trên bảy triệu đồng. Bà H là nữ nên thuận tiện chăm sóc con chu đáo hơn ông Tr và cháu Đ đang sống với bà H ổn định, sức khỏe tốt.

Về chia tài sản: Bà H xác định giữa bà H và ông Tr không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông Tr không có nợ ai.

***Bị đơn là ông Nguyễn Khắc Tr trình bày:***

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng khi sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tánh tình không hợp, bất đồng ý kiến hay cãi vã. Cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, không còn khả năng Hn gắn. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng Hn gắn. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông xác nhận có 01 con chung như là bà đã trình bày. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, vì ông đủ điều kiện nuôi con hơn có nH của ôn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ nghề lái xe cẩu, máy xúc bên xây dựng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng mỗi tháng. Nếu Tòa án giải quyết cho bà H nuôi con chung thì ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không có tài sản chung với bà H.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai.

Vụ án đã được Tòa án tiến Hnh công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và đã tiến Hnh hòa giải nhiều lần, nhưng không tHnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa pháp biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp Hnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và bị đơn đồng ý. Điều đó chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn và không còn khả năng Hn gắn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có, nên không xem xét. Về nuôi con: các bên thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Dương THnh Đ, sinh ngày 17/5/2016 và các bên đều có nguyện vọng nuôi con chung. Nhận thấy, bà H có việc làm, mức lương ổn định. Hiện tại con chung đang do bà H nuôi dưỡng và được đi học, có sức khỏe ổn định. Bà H lại là nữ nên sẽ chăm sóc con tốt hơn so với ông Tr. Do đó, bà H vẫn có đủ điều kiện chăm sóc con, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho bà H được nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, xét mức cấp dưỡng nuôi con mà bà H yêu cầu ông Tr cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi so với mức thu nhập trung bình của ông Tr là 10.000.000 đồng/tháng, với nhu cầu thiết yếu của trẻ chỉ mới lên 04 tuổi thì mức yêu cầu cấp dưỡng của bà H là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị Trúc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc Tr. Ông Tr hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Thị Trúc H:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông Tr tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2015 đăng ký ngày 30/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà H và ông Tr có phát sinh mâu thuẫn. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr và ông Tr cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông Tr là có thật, quá trình hòa giải các bên cũng không muốn Hn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm Tr, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Tr là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà H được ly hôn với ông Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Dương THnh Đ, sinh ngày 17/5/2016 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Cả bà H và ông Tr đều có nguyện vọng muốn nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại, con chung đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có sức khỏe bình thường, có việc làm, thu nhập ổn định. Tuy phải thuê chỗ ở những vẫn đủ điều kiện nuôi con như bao người khác. Hiện tại, con chung đang đi học, có cuộc sống ổn định, nên cần giữ nguyên tình trạng sinh sống của con chung, tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đ, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục để cho bà H được chăm sóc, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ là phù hợp. Ông Tr được quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Dương THnh Đ, sinh ngày 17/5/2016 chỉ mới gần 04 tuổi mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr thừa nhận bản thân làm nghề lái xe cầu, máy xúc với thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000. Theo quy định tại các Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Với mức thu nhập như ông Tr thừa nhận so với nhu cầu thiết yếu của cháu Đ tại thời điểm hiện nay thì mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.4] Về chia tài sản: Bà H và ông Tr đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà H và ông Tr đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà Dương Thị Trúc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và ông Nguyễn Khắc Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 107, Điều 110,

Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Trúc H về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Khắc Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị Trúc H được ly hôn với ông Nguyễn Khắc Tr.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị Trúc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Dương THnh Đ, sinh ngày 17/5/2016. Ông Nguyễn Khắc Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các tHnh viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

4.1 Buộc bà Dương Thị Trúc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004777 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Dương Thị Trúc H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2 Buộc ông Nguyễn Khắc Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách NH nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 15/5/2020).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Long An; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đinh Tiên Phương**